

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/12/2022 của Tỉnh ủy về Nghị quyết Hội nghị lần thứ mười Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII tại kỳ họp thứ Chín về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 04/TTr-SKHĐT ngày 17/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, doanh nghiệp thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *...*

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- TT. UB MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các tổ chức Hội, Đoàn thể;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Website tỉnh; Báo GL, Đài PTTH;
- Lưu: VT, CV các khối, KTTH.



Trương Hải Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Quyết định số 37 /QĐ-UBND ngày 19 /01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH NĂM 2022, PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH NĂM 2023

Năm 2022, diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 10 năm 2021-2030 và các kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế ngày càng tăng, tạo sức ép rất lớn lên quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô, tác động lớn đến phục hồi, phát triển của nhiều ngành, lĩnh vực và đời sống nhân dân. Được sự quan tâm của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương; sự chỉ đạo của Tỉnh ủy; giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể; sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực và đạt những kết quả quan trọng. Có 19/21 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đạt và vượt kế hoạch đề ra, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 9,16%, diện tích gieo trồng, chỉ số sản xuất công nghiệp, tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, số doanh nghiệp thành lập mới,... tăng so với cùng kỳ; du lịch tiếp tục khởi sắc. Công tác an sinh xã hội được đảm bảo, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, thông tin truyền thông, lao động việc làm, khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển. Công tác đối ngoại được tăng cường. Các vấn đề bức xúc xã hội, khiếu nại tố cáo được quan tâm giải quyết. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Kết quả này tạo không khí phấn khởi trong toàn xã hội, củng cố niềm tin và khát vọng của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường hơn. Cạnh tranh chiến lược các nước lớn gay gắt hơn, xung đột quân sự Nga - Ukraine còn có thể kéo dài. Hậu quả đại dịch Covid-19 trên toàn cầu cần phải khắc phục nhiều năm. Nền kinh tế trong nước tiếp tục hội nhập ngày càng sâu rộng, trong đó chuẩn bị thực thi nhiều cam kết kinh tế quốc tế mới. Dự báo kinh tế của tỉnh tiếp tục có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn thách thức nhiều hơn. Kinh tế tiếp tục có những chuyển biến tích cực thông qua việc triển khai quyết liệt các nghị quyết của Tỉnh ủy, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm tạo ra chuỗi giá trị sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và thúc

đẩy tăng trưởng; gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là công nghiệp năng lượng tái tạo,... Ngoài ra, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, thúc đẩy thu hút đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực có chiều hướng gia tăng, tái cơ cấu ngành nông nghiệp bắt đầu có chuyển biến. Bên cạnh đó còn có nhiều khó khăn, thách thức lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như bồi cánh khu vực và thế giới có những biến động phức tạp, khó lường; ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 cần có thời gian để phục hồi; thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, dịch bệnh tiềm ẩn nhiều rủi ro, lãi suất ngân hàng tăng cao, giá cả thị trường không ổn định.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương phải quyết tâm, giữ vững tinh thần vượt khó, đoàn kết, tự lực, tự cường, chủ động thích ứng, linh hoạt, hành động quyết liệt, khoa học, hiệu quả, tích cực đổi mới, sáng tạo theo tinh thần chủ đề điều hành **“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”**, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ trên các lĩnh vực, với 07 trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành như sau:

1. Bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025. Triển khai quyết liệt các Nghị quyết, Chương trình của Tỉnh ủy¹.

2. Triển khai đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách của Chính phủ, đồng thời rà soát để sửa đổi các chính sách đặc thù của tỉnh nhằm khơi thông nguồn lực, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, hiệu quả thực thi pháp luật và sự chỉ đạo, điều hành. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, chủ động công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ. Hoàn thành tiến độ, đảm bảo chất lượng các nội dung theo kế hoạch, chương trình làm việc của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

3. Tập trung phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao.

¹ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực của tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế và nâng cao độ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 29-CTr/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về Chương trình hành động thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Đồng bộ, thống nhất và quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, vừa tập trung xử lý hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, các vấn đề tồn đọng kéo dài, vừa kịp thời ứng phó hiệu quả với những vấn đề cấp bách, bất ngờ phát sinh trong ngắn hạn, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mang tính căn cơ trong trung và dài hạn. Tăng cường hoàn thiện các cơ chế, chính sách tập trung tháo gỡ khó khăn, có các giải pháp chính sách hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho sản xuất kinh doanh; bảo đảm đồng bộ các mục tiêu trước mắt và lâu dài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

5. Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường bền vững, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân nói chung, nhất là người có công, hộ nghèo, các đối tượng yếu thế ở vùng sâu, vùng xa, biên giới và đồng bào dân tộc.

6. Tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế; đảm bảo môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

7. Chủ động thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận trong xã hội, lan tỏa khát vọng xây dựng tỉnh Gia Lai giàu mạnh; phát huy tinh thần thi đua yêu nước, đổi mới sáng tạo ở tất cả các ngành, các cấp; tổ chức tốt các sự kiện, lễ kỷ niệm lớn của đất nước. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng.

a) Theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát, thị trường thế giới, trong nước, kịp thời dự báo, cảnh báo rủi ro để có đối sách phù hợp. Ổn định thị trường tiền tệ, tăng cường năng lực thích ứng, chống chịu, bảo đảm sự ổn định của hệ thống tài chính, ngân hàng trong mọi tình huống.

Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời theo quy định pháp luật; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính (TTHC) về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; chống chuyển giá, trốn thuế, quyết liệt thu hồi nợ thuế. Phần đầu thu ngân sách nhà nước trong năm 2023 đạt 5.910 tỷ đồng trở lên. Ưu tiên chi đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, thiết yếu; triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước trong khuôn khổ Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng bền vững, hiệu quả, công bằng; ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, tập trung vào các nhiệm vụ cấp bách của địa phương phục vụ các mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh - quốc phòng; tập trung ngân sách vào các nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu; đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội đã ban hành

Tăng cường hiệu lực công tác quản lý nhà nước về hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn; triển khai kịp thời các chính sách, các hướng dẫn của Trung

ương. Cùng cổ hoạt động các quỹ tín dụng nhân dân. Đảm bảo cung cấp đủ vốn tín dụng cho phát triển kinh tế, nhất là sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, đáp ứng yêu cầu cấp vốn cho các dự án kêu gọi đầu tư, phát triển nông nghiệp nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là nông nghiệp sạch, sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ.

b) Điều hành tăng trưởng tín dụng hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Triển khai quyết liệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; đẩy mạnh xử lý nợ xấu. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý đối với các tổ chức tín dụng; tiếp tục khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí, ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động ngân hàng để áp dụng các mô hình kinh doanh mới và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ tiện ích, an toàn đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

c) Tăng cường huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tăng cường thu hút đầu tư xã hội, tiếp tục huy động, sử dụng có hiệu quả vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn FDI. Triển khai nghiên cứu, xây dựng và ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư, trong đó chú trọng dự án nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch.

d) Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, phấn đấu giá trị tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 108.000 tỷ đồng. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu; tiếp tục cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoàn thiện khung khổ pháp lý về thương mại điện tử, giao dịch điện tử và kinh tế số; chú trọng khai thác các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới. Tăng cường công tác thông tin, định hướng doanh nghiệp, chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu sang hình thức chính ngạch, bền vững.

e) Công khai, minh bạch trong điều hành giá cả hàng hóa, dịch vụ; có các giải pháp phù hợp để ổn định giá các nguyên vật liệu quan trọng và các hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ, thao túng, tăng giá bất hợp lý.

2. Tiếp tục tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh

Tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và các dịch bệnh mới phát sinh, không để dịch chổng dịch. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh, rà soát, cập nhật, điều chỉnh các biện pháp phòng chống dịch Covid-19; tiếp tục duy trì mô hình vừa điều trị bệnh nhân thông thường vừa điều trị Covid-19. Hoàn thành việc tiêm chủng phòng Covid-19 cho các đối tượng. Ban hành phương án xử lý có hiệu quả, kịp thời các tình huống, các biện pháp phòng, chống dịch trong tình hình mới. Chủ động phương án ứng phó với các tình huống dịch bệnh mới có thể xảy ra. Tiếp tục đẩy

manh, hợp tác với các tỉnh và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phục vụ cho công tác phòng chống dịch.

Triển khai Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn” sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng phát triển Châu Á (Hợp phần 1: Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng và cung cấp trang thiết bị cho 18 trạm y tế; Hợp phần 2: Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở nhằm đổi mới cung ứng dịch vụ y tế).

Triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội thuộc lĩnh vực y tế, trong đó đầu tư xây mới, nâng cấp 59 trạm y tế; xây dựng mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ. Tổng kinh phí 302 tỷ đồng (thời gian hoàn thành năm 2023).

3. Tăng cường nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

a) Chú trọng thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách; tổ chức triển khai có hiệu quả các Chương trình, Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đổi mới, đa dạng hóa hình thức tiếp cận pháp luật cho người dân. Giải quyết kịp thời yêu cầu của người dân, doanh nghiệp trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đăng ký biện pháp bảo đảm... Nâng cao chất lượng trợ giúp pháp lý để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở theo quy định pháp luật, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, phần đầu đạt tỷ lệ trên 85%; thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phần đầu đạt tỷ lệ trên 90%. Chú trọng làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở gắn với công tác dân vận, tích cực vận động quần chúng nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hạn chế việc khiếu nại, tố cáo không đúng quy định.

b) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường quản lý nhà nước, triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật, các kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác phòng, chống tham nhũng. Tăng cường theo dõi, đánh giá, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên phạm vi cả tỉnh.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của các ngành, các cấp; tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, dư luận xã hội quan tâm. Các kết luận, quyết định xử lý sau thanh tra phải đảm bảo khách quan, đúng quy định và phải được tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời. Tăng cường phối hợp xử lý, tránh chồng chéo trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra, hạn chế tối đa việc hoạt động thanh tra, kiểm tra gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đảm bảo triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu lực, hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, nhất là công tác kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong xử lý, thu hồi tài sản tham nhũng. Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

a) Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

- Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức; đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và các quy định liên quan cán bộ, công chức, viên chức nhằm bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng; quy định các chế độ, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài. Triển khai các giải pháp đề bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; xây dựng cơ chế, chính sách cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, sớm khắc phục tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và tình trạng công chức, viên chức xin nghỉ việc. Tiếp tục thực hiện công tác tinh giảm biên chế, sắp xếp bộ máy gắn với thực hiện lộ trình giảm biên chế hàng năm.

- Hoàn chỉnh giao nộp hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính cấp tỉnh theo Quyết định 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng Phương án, kế hoạch sắp xếp các đơn vị hành chính giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030; trình HĐND tỉnh về việc đổi tên thôn, làng và thành lập thôn, làng, tổ dân phố mới.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh. Tiếp tục thực hiện nghiêm Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ động rà soát đơn giản hóa và cải tiến quy trình, thủ tục hành chính đảm bảo đúng và thuận lợi cho người dân. Xử lý nghiêm, kịp thời các tổ chức, cá nhân, gây nhũng nhiễu, thao túng, vi phạm khi thực thi công vụ, vi phạm quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ CCHC tại các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn theo Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác giải quyết, tham mưu, thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương và đẩy mạnh kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, địa phương; gắn kết chặt chẽ kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBCC trực tiếp tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; tổ chức thường xuyên và hiệu quả các hoạt động thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh:

+ Triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 gắn với xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử (phiên bản 2.0); thực hiện Đề án "Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020- 2025, định hướng đến năm 2030". Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số gắn kết với công tác cải cách hành chính (CCHC), nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tăng cường đầu tư, nâng cấp các hệ thống thông tin, hạ tầng kỹ thuật, phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động các cơ quan nhà nước. Vận hành, quản lý nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh; đồng thời kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương. Đẩy mạnh việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; tăng cường bảo mật, an toàn, an ninh thông tin. Tăng cường việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh.

+ Tích cực triển khai Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030" (Đề án 06) của Chính phủ theo tinh thần năm 2023 là "Năm Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới".

- Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Nâng cấp và phát huy hiệu quả Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để kết nối với Trung tâm dữ liệu Quốc gia, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển hạ tầng và dịch vụ bưu chính, viễn thông, logistics phục vụ cho phát triển thương mại điện tử, kinh tế số và xã hội số; đưa thiết bị thông tin số đến hộ gia đình theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; triển khai Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

b) Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

- Tiếp tục phấn đấu đạt mục tiêu nâng hạng các chỉ số về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh đến năm 2025 đã đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Kế hoạch 135/KH-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp thành lập mới; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân; đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư và đồng hành cùng doanh nghiệp. Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021-2025. Phấn đấu năm 2025 đạt top 20 về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh – PCI.

- Tập trung cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tập trung phấn đấu cải thiện 10 chỉ số thành phần, đặc biệt là phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc (của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố) phụ trách đầy đủ 128 chỉ số con thuộc 10 chỉ số thành phần PCI.

- Đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ. Phát huy và triển khai thực hiện hiệu quả Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tiếp tục phối hợp, đẩy mạnh triển khai phục vụ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ, tra cứu, theo dõi tình trạng giải quyết hồ sơ qua ứng dụng Zalo; cung cấp các thông tin cần thiết, minh bạch, bình đẳng, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận thông tin.

- Tập trung thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, trong đó phấn đấu 100% các dịch vụ công (nếu đủ điều kiện thực hiện) thiết thực đối với người dân các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, an sinh xã hội; Đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của UBND tỉnh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng định kỳ và thường xuyên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thái độ ứng xử, ý thức trách nhiệm,... để cán bộ tiếp xúc và làm việc trực tiếp với doanh nghiệp phải am hiểu chuyên môn, hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ và có thái độ phục vụ, nhiệt tình, thân thiện.

- Tiếp tục rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC) theo hướng phấn đấu giảm từ 30-70% thời gian thực hiện các TTHC so với quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử; thực hiện các giải pháp để người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, tiền mai táng phí, tử tuất qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tiềm năng phát triển trong một số lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục chú trọng hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19. Tiếp nhận, xử lý kịp thời, hiệu quả phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, người dân về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh và công khai kết quả xử lý trên Cổng/ Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và của tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp cơ cấu lại sản xuất, kinh doanh hướng tới phát triển bền vững, trong đó chú trọng các yếu tố bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, tạo cơ hội việc làm cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

5. Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính độc lập, tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế

a) Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, sớm khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2023, đặc biệt là các dự án quan trọng, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về mặt bằng, mỏ vật liệu, nhân công... để sớm thực hiện ngay sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án và giải ngân vốn đầu tư công. Triển khai quyết liệt giải ngân vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng đối tượng, tránh trục lợi.

b) Tiếp tục cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ gắn với đổi mới sáng tạo, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ. Phân đầu giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đạt 31.620 tỷ đồng, tăng 9,45% so với năm 2022. Triển khai quyết liệt, hiệu quả các chủ trương, chính sách về phát triển công nghiệp. Tập trung ưu tiên phát triển mạnh nhóm ngành công nghiệp mà tỉnh có lợi thế, như: Chế biến nông, lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo, sản xuất vật liệu không nung, công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Tích cực kêu gọi đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp, phát triển các cụm công nghiệp có tính kết nối cao; đưa khu công nghiệp Nam Pleiku vào hoạt động. Phát triển công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, tăng hàm lượng khoa học công nghệ, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xu thế phát triển mới trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Phát triển mạnh sản xuất công nghiệp theo chiều sâu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng các ngành nghề chế biến, chế tạo. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại các ngành công nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi số, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh; mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp ổn định sản xuất, bảo đảm cân đối cung cầu các hàng hóa cơ bản, thiết yếu. Phát triển thị trường vật liệu xây dựng ổn định bền vững, tăng tỷ lệ sử dụng vật liệu xây dựng thay thế, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, năng lượng, thân thiện với môi trường.

Tập trung thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Phân đầu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2010) đạt 35.768 tỷ đồng, tăng 5,8% so với năm 2022. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Rà soát chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn, phù hợp thổ nhưỡng, khí hậu địa phương và gắn với nhu cầu thị trường, phục vụ xuất khẩu.

Tập trung phát triển chăn nuôi, tiếp tục thu hút đầu tư phát triển chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tự động, thông minh; ưu tiên chăn nuôi tập trung khép kín, hiện đại từ khâu giống, chế biến thức ăn, chăm sóc, giết mổ và thị trường tiêu thụ, gắn với quản lý dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Đảm bảo hoàn thành kế hoạch trồng rừng năm 2023 và chăm sóc tốt diện tích rừng đã trồng.

Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về diện tích mặt nước để phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản. Tăng cường mở rộng diện tích nuôi, chuyển dịch hình thức nuôi, mở rộng diện tích nuôi bán thâm canh và thâm canh các đối tượng cá nước ngọt có giá trị kinh tế. Đầu tư cho nghiên cứu về giống, tạo con giống.

Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững và gắn với nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Nâng cao chất lượng các tiêu chí và chất lượng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện môi trường, xử lý rác thải và xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp; giữ vững an ninh trật tự và nâng cao đời sống văn hóa; củng cố, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã, thôn, làng. Duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp. Triển khai Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP; tập trung phát triển các sản phẩm OCOP phục vụ tiêu dùng nội địa, du lịch và xuất khẩu; quảng bá, giới thiệu các sản phẩm OCOP trên các sàn thương mại điện tử.

d) Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ mới, ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1567/KH-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh về việc cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; tập trung vào các dịch vụ ưu tiên phát triển như dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ logistics và vận tải, dịch vụ tài chính ngân hàng.

Tiếp tục triển khai các quy hoạch, kế hoạch, đề án về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị xanh, đô thị thông minh; phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đạt 33%.

e) Cơ cấu lại ngành du lịch theo hướng tăng cường kết nối giữa các địa phương; chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị hình thành nên các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo dựa trên nền tảng các giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc, điều kiện tự nhiên đặc trưng. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình số 43-CTr/TU ngày 26/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai nhiệm vụ phát triển du lịch tỉnh năm 2023; tăng cường tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến hình ảnh du lịch tỉnh Gia Lai, khai thác hiệu quả mạng xã hội, báo điện tử... phục vụ cho công tác quảng bá du lịch. Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong ngành du lịch; tập trung phát triển du lịch thông minh dựa trên nền tảng số. Đẩy mạnh hoạt động liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, thành trong nước và trong khu vực, triển khai các chương trình ký kết với TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, chương trình liên kết 06 tỉnh (Phú Yên - Bình Định - Quảng Ngãi - Đắk Lắk - Gia Lai - Kon Tum). Tổ chức đoàn khảo sát các điểm du lịch xây dựng sản phẩm du lịch liên kết 13 tỉnh trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Phấn đấu năm 2023 có tổng lượt khách tham quan, du lịch đến tỉnh đạt 1,1 triệu lượt, tăng 16% so với năm 2022.

f) Hoàn chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2023. Công bố và triển khai

ngay quy hoạch sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; cung cấp dữ liệu về quy hoạch tỉnh để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; cung cấp thông tin về quy hoạch; lưu trữ hồ sơ quy hoạch. Rà soát các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị - nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để tiếp tục triển khai lập. Tập trung hoàn thành việc lập và điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng; xây dựng quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung hoàn thành quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050; quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến năm 2045; các quy hoạch phân khu trên địa bàn thành phố Pleiku; đảm bảo phù hợp với quy hoạch tỉnh và Luật Quy hoạch.

6. Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên

a) Tập trung triển khai các dự án khởi công mới có tính lan tỏa và là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Khu công nghiệp Nam Pleiku, đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19); Đường Nguyễn Văn Linh; Đường nội thị thị xã Ayun Pa; đưa vào vận hành các nhà máy điện gió sau khi Bộ Công Thương có quyết định phê duyệt ban hành khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyên tiếp (theo Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023).

Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực của tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch. Tập trung triển khai thủ tục đầu tư xây dựng dự án đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường thu hút đầu tư toàn xã hội. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng có tính kết nối, lan tỏa, trọng điểm. Triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp khắc phục hạn chế, bất cập trong chuẩn bị, thực hiện đầu tư công; đẩy mạnh công tác giải ngân vốn xây dựng cơ bản, lấy kết quả thực hiện để làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

Lồng ghép việc thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy hết các nguồn lực phục vụ cho đầu tư phát triển.

b) Triệt để xử lý các dự án “treo”, dự án chậm tiến độ; bảo đảm lợi ích của người dân trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, không để xảy ra khiếu kiện, phát sinh thành điểm nóng về an ninh, trật tự.

c) Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát, đánh giá điều chỉnh nhiệm vụ công trình thủy lợi, tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công trình; trọng tâm là thủy lợi nội đồng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới. Kiểm tra, rà soát, đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai của công trình kết cấu hạ tầng.

d) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số: Nâng cấp và phát huy hiệu quả Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để kết nối với Trung tâm dữ liệu Quốc gia, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển hạ tầng và dịch vụ bưu chính, viễn thông, logistics phục vụ cho phát triển thương mại điện tử, kinh tế số và xã hội số; triển khai Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

g) Hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) tỉnh Gia Lai báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ phê duyệt. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của 17 huyện, thị xã và thành phố. Tổng hợp danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; danh mục các công trình, dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2024. Triển khai dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh; Xây dựng Kế hoạch xác định giá đất cụ thể năm 2023; điều chỉnh bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh. Ban hành kế hoạch, tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Rà soát, đơn đốc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được giao đất, thuê đất trên địa bàn tỉnh. Sử dụng hợp lý tài nguyên nước và các loại tài nguyên khác. Tăng cường công tác thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên, khoáng sản, quản lý đất đai, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh phong trào “chống rác thải nhựa”.

Triển khai dự án “điều tra, đánh giá hiện trạng xả thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên địa bàn tỉnh” và dự án “Xác định và công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối và hạ lưu các hồ chứa trên địa bàn tỉnh”. Sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.

7. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kết luận số 51-KL/TW; đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia để đảm bảo tỷ lệ trường chuẩn quốc gia năm 2023 đạt 63,4%; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả và chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng biên soạn, thẩm định sách giáo khoa, tài liệu giáo dục. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, tập trung về đổi mới thực hiện chương trình; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo. Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu. Nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học ngoại ngữ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong trong dạy, học và quản lý giáo dục. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Thực hiện tốt chính

sách ưu đãi cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Cùng cố hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú đáp ứng quy mô phát triển giáo dục ở vùng khó khăn. Tăng tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đi học bậc THCS và THPT, nhất là học sinh ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh.

b) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm. Tập trung giải quyết việc làm mới cho 26.500 lao động, trong đó xuất khẩu lao động 1.500 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 61%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 39,6%. Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu đào tạo cho 12.500 lao động.

c) Tiếp tục phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh. Đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh; tiếp tục hoàn thiện cơ chế trọng dụng các nhà khoa học, nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đẩy nhanh việc xây dựng cơ sở hạ tầng khu vườn ươm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết với các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong cả nước; đẩy mạnh hoạt động của Ban điều hành Mạng lưới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tích cực đề xuất các nhiệm vụ tham gia Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia đến năm 2025 và năm 2030, trong đó chú trọng xác định công nghệ trọng điểm cần ưu tiên phát triển. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng nghiên cứu khoa học, tăng cường năng lực nghiên cứu công nghệ. Đẩy mạnh xây dựng, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm.

8. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, các nhiệm vụ trọng tâm trên lĩnh vực văn hóa - xã hội mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển văn hóa; thực hiện tốt công tác kiểm kê, xếp hạng, ghi danh, quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, di tích trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao nhận thức của các tầng lớp Nhân dân về hưởng thụ văn hóa, bảo vệ bản sắc văn hóa, nhất là Festival văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên tại tỉnh Gia Lai năm 2023, có chính sách xã hội hóa hợp lý, thu hút đầu tư cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Triển khai lồng ghép các nội dung Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và các phong trào thi đua yêu nước vào kế

hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao; nâng cao công tác huấn luyện, chuẩn bị lực lượng vận động viên để tham gia thi đấu tại các giải thể thao toàn quốc và khu vực; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu phục vụ đăng cai tổ chức các giải thể thao toàn quốc do Tổng cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ủy nhiệm.

b) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống các bệnh viện công lập từ nguồn vốn của các chương trình/dự án, mở rộng quy mô giường bệnh, phấn đấu đạt chỉ tiêu đề ra theo Chương trình hành động số 61/CT-TU ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Nâng cao năng lực hệ thống, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng; nâng cao năng lực điều trị của tất cả các tuyến. Đẩy mạnh quản lý sức khỏe toàn dân; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người lao động; tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế. Tăng cường công tác tiêm chủng thường xuyên cho đối tượng trẻ em và phụ nữ có thai theo Chương trình tiêm chủng mở rộng. Duy trì kiểm dịch y tế biên giới.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách đãi ngộ, cải thiện môi trường làm việc, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng dân số, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Thúc đẩy triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số y tế. Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh. Triển khai Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực y tế.

Triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN (chú trọng phát triển người tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình); đôn đốc thu, giảm nợ, không để phát sinh nợ đọng BHXH, BHTN, BHYT. Tiếp tục rà soát cơ sở dữ liệu người chưa tham gia BHXH, BHYT. Tuyên truyền, vận động, phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2023.

c) Triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh và phát triển bền vững kinh tế - xã hội; tập trung thực hiện các giải pháp để kết nối cung - cầu lao động, thúc đẩy tạo việc làm năng suất, việc làm bền vững cho người lao động. Ổn định, phát triển thị trường lao động ngoài nước; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định.

d) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Đẩy mạnh thực hiện chi trả các chế độ an sinh xã hội (bao gồm lương hưu, các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công...) qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng luân phiên người có công với cách

mạng; thực hiện hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tăng cường vận động, hỗ trợ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ.

đ) Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và người dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện tốt các chính sách đầu tư thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia. Đa dạng hóa các loại hình trợ giúp xã hội và cứu trợ xã hội. Thực hiện đầy đủ, hiệu quả chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết chính sách an sinh xã hội cho người dân. Tổ chức các lớp tập huấn về công tác phòng chống tệ nạn xã hội, cai nghiện ma túy tại các huyện, thị xã, thành phố. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ, xác định danh tính liệt sỹ.

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh với các giải pháp phù hợp để cải thiện tiêu chí thu nhập và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản gắn với triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói ở Việt Nam đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về giảm nghèo nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giai đoạn 2017- 2020 và định hướng đến năm 2025; các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện cho người dân tham gia tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin). Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (giảm 2% so với năm 2022), nhất là trong đồng bào DTTS (giảm 3% so với năm 2022).

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc. Đẩy nhanh việc triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; tham mưu triển khai tốt các chính sách phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Tiếp tục triển khai hiệu quả các đề án, chương trình, chiến lược, quy định về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các giải pháp nâng cao trình độ dân trí, giải quyết việc làm và tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát, góp ý xây dựng, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn các chính sách dân tộc và phối hợp góp ý công tác xây dựng thể chế liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường công tác tuyên truyền, cải cách hành chính, góp phần tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Tiếp tục triển khai các chính sách an sinh xã hội bao trùm, toàn diện, đa dạng và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và người dân tộc thiểu số.

e) Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, bảo đảm trẻ em được phát triển toàn diện. Thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chủ động giải quyết các vấn đề về trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; kiểm soát và giảm số vụ trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước. Tăng cường công tác truyền thông bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức về quyền trẻ em, bảo vệ, chăm sóc cho trẻ em. Tập trung tuyên truyền, phổ biến Luật Trẻ em, các biện pháp bảo vệ trẻ em, phòng, chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em. Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trẻ em. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh; Theo dõi, đôn đốc duy trì phần mềm quản lý trẻ em ở cơ sở.

g) Chú trọng chăm lo và phát huy vai trò người cao tuổi; tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030, Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách cho những người yếu thế trong xã hội; đảm bảo cơ bản các đối tượng yếu thế, đặc biệt khó khăn (người tàn tật nặng, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, người già sống cô đơn không có nguồn nuôi dưỡng...) được hưởng trợ cấp xã hội.

h) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hành động Bình đẳng giới. Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp; Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác Bình đẳng giới. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ từ tỉnh tới cơ sở.

i) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là trong dịp Lễ, Tết và giáp hạt. Hỗ trợ kịp thời về lương thực, nhà ở, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; không để sót đối tượng, địa bàn cần hỗ trợ.

9. Giữ vững độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Tiếp tục củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ, giữ vững nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân an ninh biên giới, nhất là tại các địa bàn trọng điểm vùng biên giới. Tăng cường bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình nội biên, ngoại biên, tuần tra, kiểm soát địa bàn, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội. Tích cực vận động, tuyên truyền, đấu tranh, bóc gỡ các điểm nhóm phục hồi FULRO, "Tin lành Đegar", các đường dây đưa người dân tộc thiểu số vượt biên.

Thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo từng chuyên đề, nhất là các băng nhóm, tội phạm đòi nợ thuê, tín dụng đen, cho vay nặng lãi, xâm phạm môi trường, tài nguyên rừng, tội phạm giết người. Nâng cao chất lượng công tác điều tra án, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Phần đầu kéo giảm tai nạn giao thông trong năm 2023 ở cả 3 tiêu chí. Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, sự kiện chính trị, văn hoá, đối ngoại của tỉnh, của đất nước.

10. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Tập trung tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2021-2025; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan tỏa tích cực, khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và khát vọng phát triển tỉnh Gia Lai. Thực hiện nghiêm cơ chế phát ngôn, tăng cường kỷ luật báo chí, kịp thời phản hồi lại thông tin và cải chính trên báo chí các thông tin sai sự thật, chưa đúng bản chất sự việc, gây tác động xấu trong xã hội. Đẩy mạnh hoạt động thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại trong tình hình mới. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi về các cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp, làm tốt công tác dân vận đồng thời phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước góp phần tạo đồng thuận xã hội. Góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Kế hoạch hành động này và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai nhiệm vụ năm 2023 và nhiệm vụ giao cụ thể tại các phụ lục kèm theo và Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh, Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Trước ngày 05/02/2023, xây dựng và ban hành kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ cho đơn vị mình để làm cơ sở triển khai thực hiện.

1.2. Theo dõi sát diễn biến trong tỉnh, trong nước, quốc tế và ở địa phương mình và trên cơ sở Nghị quyết, chủ động phân tích, đánh giá, dự báo để có các giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch hành động này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Định kỳ hàng tháng, quý kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

1.4. Chế độ báo cáo định kỳ (các sở, ban, ngành và Cục Thống kê tỉnh):

- Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và tình hình kinh tế - xã hội định kỳ hàng tháng, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy

ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 hàng tháng.

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động và thực hiện nhiệm vụ tại các phụ lục kèm theo và Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh theo định kỳ hàng quý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 05/11/2023 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/11/2023.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch hành động này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các cơ quan thông tấn, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành, huyện thị xã, thành phố, tổ chức, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi kế hoạch hành động này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức, hội, đoàn thể tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và các giải pháp điều hành tại Kế hoạch hành động này. /.



Phụ lục 1

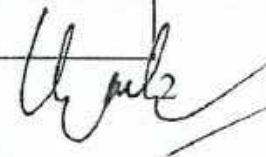
PHÂN CÔNG CHỦ TRÌ, THỰC HIỆN, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Thời gian báo cáo	Ghi chú
I	Cục Thống kê tỉnh				
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá so sánh 2010)	%	8,62	6 tháng, năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp
2	GRDP bình quân đầu người			Năm	
	- Theo số liệu của tỉnh	Triệu đồng	66,90		
	- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê	Triệu đồng	60,10		
3	Tốc độ tăng Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	(1)	Hàng tháng	
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	42.000	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	
II	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
5	Giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy Sản	Tỷ đồng	35.768	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cục Thống kê phối hợp
6	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	9	Năm	
7	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97,7	Năm	

Handwritten signature

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Thời gian báo cáo	Ghi chú
8	Tỷ lệ diện tích che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%	47,33	Năm	
9	Diện tích trồng rừng mới (2)	Ha	8.000	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	
III	Sở Công Thương				
10	Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp	Tỷ đồng	31.620	Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cục Thống kê phối hợp
11	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	9,24	Hàng tháng	
12	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	108.000	Hàng tháng	
13	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	680	Hàng tháng	
14	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	110	Hàng tháng	
15	Điện SX trên địa bàn	Tr. kwh	12.052	Hàng tháng	
IV	Sở Tài chính				
16	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	5.910	Hàng tháng	Cục Thuế phối hợp
V	Sở Xây dựng				
17	Tỷ lệ đô thị hóa	%	33	Năm	
18	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	75,00	Năm	
19	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2/người	21,80	Năm	
VI	Sở Lao động thương binh và Xã hội				



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Thời gian báo cáo	Ghi chú
20	Số lao động được tạo việc làm	Người	26.500	Năm	
-	<i>Trong đó:</i> Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	1.500	Năm	
21	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	61	Năm	Cục Thống kê phối hợp
	<i>Trong đó:</i> Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	39,6	Năm	
22	Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	8,10	Năm	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	2,00	Năm	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%	3,00	Năm	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo huyện Kông Chro	%	5,00	Năm	
23	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, phường, thị trấn	141	Năm	
24	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	64,09	Năm	
VII	Sở Giáo dục - Đào tạo				
25	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	63,40	Năm	
26	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	93,00	Năm	
27	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi tiểu học	%	99,90	Năm	
28	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi trung học cơ sở	%	94,70	Năm	
29	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi trung học phổ thông	%	58,10	Năm	
VIII	Sở Y tế				

4/1/23

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Thời gian báo cáo	Ghi chú
30	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,14	Năm	
31	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	94,00	Năm	
32	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	27,6	Năm	
33	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8,5	Năm	
34	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/ 100 bé gái	103	Năm	
35	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	17,0	Năm	
36	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi)	%	29,0	Năm	
37	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	95,0	Năm	
IX	Bảo hiểm xã hội tỉnh				
38	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	92,75	Năm	
39	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội	%	14,83	Năm	
40	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	9,16	Năm	
X	Sở Tài nguyên - Môi trường				
41	Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được thu gom và xử lý ở đô thị	%	95,80	Năm	
XI	Sở Giao thông vận tải				
42	Doanh thu vận tải	Tỷ đồng	5.195	Hàng tháng	
43	Khối lượng vận chuyển hàng hóa	Nghìn tấn	28.055	Hàng tháng	

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Thời gian báo cáo	Ghi chú
44	Khối lượng luân chuyển hàng hóa	Triệu tấn.Km	3.860	Hàng tháng	
45	Khối lượng vận chuyển hành khách	Nghìn HK	32.000	Hàng tháng	
46	Khối lượng luân chuyển hành khách	Triệu HK.Km	3.800	Hàng tháng	
XII	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch				
47	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	700	Hàng tháng	
48	Số di tích được xếp hạng	Di tích	40	Năm	
-	Trong đó: Số di tích được công nhận mới	Di tích	3	Năm	
49	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa được xây dựng riêng	Xã, phường, thị trấn	146	Năm	
50	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	82,5	Năm	
51	Tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa quốc gia	%	86	Năm	
52	Tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	%	34,5	Năm	
53	Tỷ lệ gia đình tham gia tập luyện thể dục thể thao	%	26,5	Năm	
XIII	Sở Thông tin và Truyền thông				
54	Doanh thu bưu chính viễn thông	Tỷ đồng	1.917	Hàng tháng	
55	Mật độ thuê bao Internet băng rộng	TB/100 dân	66,00	Năm	
55.1	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	65	Năm	
55.2	Số thuê bao băng rộng cố định /100 dân	Thuê bao	137.448	Năm	
55.3	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân	Thuê bao	878.569	Năm	

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Thời gian báo cáo	Ghi chú
55.4	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang (tại khu đô thị)	%	55	Năm	
55.5	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	%	100	Năm	
56	Điểm bưu điện văn hóa xã đang hoạt động	Điểm	183	Năm	
57	Tổng số chứng thư số đang hoạt động	Chứng thư	1.400	Năm	
58	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	20	Năm	
59	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	%	40	Năm	
60	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Công Dịch vụ công quốc gia.	%	100	Năm	
61	Tỷ lệ triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Bộ phận một cửa:	%	>50%	Năm	
61.1	Cấp tỉnh, cấp huyện.	%	100	Năm	
61.2	Cấp xã	%	50	Năm	
62	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết điện tử đối với hồ sơ giải quyết TTHC	%	100	Năm	
63	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ Mật hoặc chưa được công khai theo quy định)	%	>80%	Năm	
63.1	Đối với các Sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh	%	100	Năm	
63.2	Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện	%	95	Năm	
63.3	Đối với UBND cấp xã	%	80	Năm	
XIV	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh				
64	Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	62.100	Hàng tháng	



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Thời gian báo cáo	Ghi chú
65	Tổng số dư nợ	Tỷ đồng	108.100	Hàng tháng	
66	Tỷ lệ nợ xấu	%	≤3%	Hàng tháng	
XV	Sở Kế hoạch và Đầu tư				
67	Số lượng doanh nghiệp thành lập mới	DN	1.100	Hàng tháng	
68	Số lượng hợp tác xã thành lập mới	HTX	40	Hàng tháng	

* Ghi chú:

(1) Hàng tháng Cục Thống kê tỉnh đánh giá, báo cáo chỉ tiêu này.

(2) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì phân bổ cụ thể cho từng đơn vị, địa bàn ngay từ đầu năm.

Ngoài các chỉ tiêu chủ yếu trên, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các chỉ tiêu UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tại Văn bản số 4093/KHĐT-TH ngày 13/12/2022 về thông báo các chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023



Phụ lục số 2

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (GRDP) NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Kịch bản tăng trưởng năm 2023							Ghi chú
				Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	cả năm	
I	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá so sánh 2010)	%	8,62			8,55				8,62	Cục thống kê chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư
1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	5,15			5,79				5,15	
2	Công nghiệp và xây dựng	%	13,96			12,94				13,96	
3	Dịch vụ	%	7,51			7,08				7,51	
4	Thuế sản phẩm	%	5,16			6,02				5,16	
II	Giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản (tính theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	35.768	4.979,3	5.437,1	10.416	6.864	17.280	18.488	35.768	Cục thống kê chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT
1	Nông nghiệp	Tỷ đồng	34.933	4.834	5.324	10.158	6.630	16.788	18.145	34.933	
2	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	535	119	95	214	138	352	183	535	
3	Thủy sản	Tỷ đồng	300	27	17	44	96	141	159	300	
III	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	9,24	12,25	10,25	11,60	9,00	10,45	8,35	9,24	Cục thống kê chủ trì phối hợp với Sở Công Thương
IV	Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (tính theo giá so sánh 2010)		31.620	7.065,0	7.207,1	14.272,1	8.145,4	22.417,5	9.202,5	31.620	
1	Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	230	45,9	54,0	99,9	64,1	164,0	66,0	230	
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	19.483	4.539,5	4.540,4	9.079,9	4.524,5	13.604,4	5.687,6	19.483	
3	Sản xuất và phân phối điện	Tỷ đồng	11.800	2.452,7	2.585,6	5.038,3	3.528,4	8.566,7	3.424,3	11.800	
4	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	107	27,0	27,1	54,0	28,4	82,4	24,6	107	
V	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	108.000	22.140	24.840	46.980	28.620	75.600	32.400	108.000	
VI	Kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	680	240	135	375	100	475	205		
VII	Kim ngạch nhập khẩu	Tr. USD	110	35	25	60	25	85	25	110	
VIII	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	5.910	1.578,2	1.470,0	3.048	1.367	4.415	1.495	5.910	Sở Tài chính
IX	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	42.000	8.000	9.500	17.500	11.500	29.000	13.000	42.000	Cục thống kê
X	Doanh thu vận tải	Tỷ đồng	5.195	1.298	1.400	2.698	1.380	4.078	1.117	5.195	Sở Giao thông Vận tải
XI	Doanh thu bưu chính viễn thông	Tỷ đồng	1.917	480	445	925	472	1.397	520	1.917	Sở Thông tin Truyền thông
XII	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	700	130	190	320	180	500	200	700	Sở VH TT&DL